



Zentrum für Entwicklungsforschung
Center for Development Research
University of Bonn



– Tóm tắt –

Sống chung với lũ
Tri thức địa phương ở Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam

Judith Ehlert

Tháng 1, 2010

Luận án tiến sĩ

Trường Đại học Nghiên cứu Phát triển Quốc tế Bonn (BIGS-DR)

Luận án hoàn thành dưới sự hướng dẫn của Trung tâm Nghiên cứu Phát triển (ZEF), Đại học Bonn (CHLB Đức). Nghiên cứu được thực hiện trong giai đoạn đầu của dự án WISDOM (2007-2010) và được tài trợ bởi Bộ liên bang về Giáo dục và Nghiên cứu, CHLB Đức (BMBF). Luận án tiến sĩ đã được nộp cho Khoa Triết học vào tháng 1 năm 2011 và bảo vệ thành công vào tháng 5 năm 2011. Toàn bộ luận án sẽ được xuất bản như sau:

Ehlert, Judith (2001, sắp xuất bản): Sống chung với lũ - Tri thức địa phương ở Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam. Berlin: Lit Verlag.

Sống chung với lũ

Tri thức địa phương ở Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam

Cơ sở nghiên cứu – Khung khái niệm – Phương pháp

Luận án tập trung vào tri thức địa phương liên quan đến tài nguyên nước bởi vì nước và lũ lụt theo mùa ở đồng bằng sông Cửu Long tạo ra nguồn tài nguyên quan trọng nhất cho hoạt động sinh kế dựa vào nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản đa dạng trong khu vực. Kể từ khi có sự tự do hóa kinh tế vào giữa những năm 1980, đồng bằng sông Cửu Long đã có sự phát triển kinh tế mạnh mẽ nhờ vào thâm canh nông nghiệp, sự phong phú nguồn tài nguyên nước ngọt theo mùa và sự đầu tư lớn cho kiểm soát tưới tiêu và lũ lụt. Đồng bằng sông Cửu Long, "vựa lúa" của Việt Nam là kết quả can thiệp tích cực của con người vào hệ sinh thái đất ngập nước bởi các thiết bị kiểm soát lũ và nước. Con người can thiệp vào môi trường tự nhiên được biết đến như là một quá trình thu nhận tri thức mới và kinh nghiệm thực tế. Luận án này đề cập tới mối quan hệ biện chứng của tự nhiên và xã hội và điều tra nghiên cứu bản chất tri thức của những cuộc đối mặt và lịch sử gắn với nó (chương ba). Sự tương tác chặt chẽ của xã hội ở vùng đồng bằng với môi trường tự nhiên đã sản sinh một khối lượng lớn về tri thức môi trường-xã hội địa phương. Đồng bằng sông Cửu Long là một khu vực rất năng động, do đó tri thức sản sinh từ địa phương trong lĩnh vực nước cũng thay đổi tương ứng. Luận án mô tả chính xác quá trình chuyển đổi lẫn nhau trong mối quan hệ xã hội-tự nhiên.

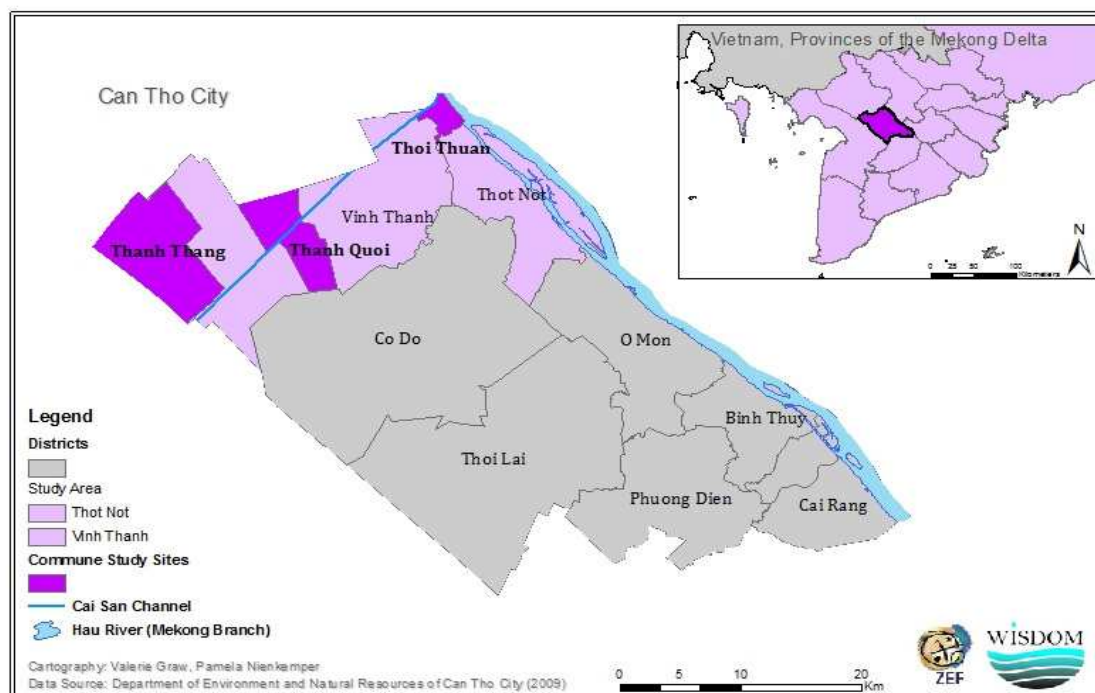
Nước là nguyên tố cấu trúc quan trọng trong đời sống hàng ngày ở đồng bằng sông Cửu Long, thuật ngữ đề cập trong luận án “nước-thế giới cuộc sống”- đứng sau khái niệm thế giới cuộc sống và xã hội tri thức của Schutz và Berger và Luckmann¹ và phương pháp xây dựng xã hội của họ hướng tới sự hiểu biết tri thức hàng ngày của người dân. Thế giới cuộc sống tạo ra vấn đề mà không cần phải đặt câu hỏi cho nó và được dùng trong thực tế cuộc sống hàng ngày của người dân. Nó chứa đựng tri thức đa dạng tạo nên cấu trúc cuộc sống thường nhật-từ những thói quen vô thức và định hướng vấn đề thực tế tới khuôn khổ văn hóa-xã hội mang tính tổng quát hơn đối với việc giải thích định hướng suy nghĩ và hành động xã hội của các đối tượng. Do đó, tri thức địa phương có thể được định nghĩa là tri thức (dạng vô thức) và thực hành trong cuộc sống hàng ngày, được trao cho con người để họ sử dụng một cách có ý nghĩa trong môi trường mà họ đang sinh sống (chương hai).

¹ Schütz, Alfred and Thomas Luckmann (1973) *The Structures of the Life-World*. Translated by Richard M. Zander and H. Tristram Engelhardt. Evanston: Northwestern University Press. / Berger, Peter L. and Thomas Luckmann (1966) *The Social Construction of Reality. A Treatise in the Sociology of Knowledge*. 1st edn. New York: Penguin Books.

Trong cộng đồng tri thức Việt Nam hiện đang sử dụng khoa học thực chứng và tri thức uyên thâm từ các chuyên gia, các cuộc điều tra về tri thức cuộc sống hàng ngày không có bất cứ vai trò gì. Công việc dưới đây thu hẹp khoảng cách này bằng cách chỉ rõ tri thức địa phương trong điều kiện sống chung với lũ ở đồng bằng sông Cửu Long có ý nghĩa thực tiễn gì và đưa ra khái niệm và bằng cách kết luận về vai trò của tri thức địa phương và khả năng của những người sở hữu tri thức trong việc đàm phán chính sách quản lý lũ ở vùng đồng bằng.

Dữ liệu của luận án được thu thập trong một năm nghiên cứu thực địa dân tộc học ở hai huyện (ba xã) của thành phố Cần Thơ - một trong 13 tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long. Thành phố Cần Thơ được đặc trưng bởi mức độ lũ trung bình và là một trong những tỉnh của đồng bằng sông Cửu Long có tốc độ tăng trưởng công nghiệp cao nhất. Thực tế, thành phố này được kết tinh như là trung tâm kinh tế và công nghiệp, cùng với những điều kiện hấp dẫn cho các nghiên cứu về mối liên quan giữa xã hội và nước tại địa phương. Sống tại những gia đình nông thôn trong thời gian một vài tháng cho phép tác giả hiểu biết kỹ càng về cuộc sống hàng ngày của người dân trong điều kiện sống chung với lũ. Bên cạnh 160 bài phỏng vấn lịch sử bằng lời, bán cấu trúc, mang tính tường thuật và thảo luận nhóm tập trung, làm việc với tư liệu hình ảnh địa phương và phương pháp quan sát đã chứng tỏ sự cần thiết trong việc xây dựng lại cách nhìn nhận vấn đề từ người trong cuộc và những thực hành, thói quen hàng ngày của người dân sống trong môi trường nước vì mục đích sinh kế (phụ lục về phương pháp).

Các điểm nghiên cứu ở xã và huyện trực thuộc Thành phố Cần Thơ



Lập luận và Các kết quả lựa chọn

Xét về phương diện quản lý từ trên xuống, lũ lụt ở Việt Nam là vấn đề rất được quan tâm, và được hỗ trợ bởi “phương pháp bảo hộ” mạnh mẽ của chính phủ. Luận án phá bỏ hình ảnh cần thiết này của xã hội và lũ lụt bằng cách tương phản nó với cách nhìn đa dạng của người dân hiện đang sống chung với lũ. Hóa ra những kinh nghiệm và nhận thức của người dân địa phương về lũ lụt được cấu trúc theo tuổi, nền tảng văn hóa-sinh thái khác nhau và các mô hình sinh kế khác nhau mà họ sử dụng. Trái ngược với mô tả thảm họa thiên tai nặng nề của chính phủ, người dân địa phương lại nhìn nhận lũ như là một nguồn tài nguyên phát triển quan trọng. Đối với họ, lũ lụt là hiện tượng bình thường mà họ thích ứng rất tốt. Bản thân lũ là một hiện tượng tự nhiên mà không được coi là nguy hiểm. Đúng hơn là, cách thức quản lý lũ tạo ra những thách thức mới mà người nông dân đang phải đối mặt. Phát triển các đề án kiểm soát lũ và nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, mở rộng đô thị và công nghiệp gây ra sự thay đổi môi trường như ô nhiễm nước, mô hình lũ lụt bất thường và sự tuyệt chủng các loài cá tự nhiên. Hơn nữa, quá trình chuyển đổi nông thôn và hiện đại hóa nông nghiệp được đặc trưng bởi sự gia tăng bất bình đẳng xã hội, ví dụ như sự mất đất, gia tăng số người thất nghiệp và những xung đột liên quan tới việc khai thác tài nguyên nước (chương bốn).

Luận án tập trung vào những tri thức đa dạng mà người dân áp dụng, chỉnh sửa và còn thiếu để đối phó với các thách thức về môi trường và kinh tế-xã hội.

Tri thức địa phương và sự thay đổi môi trường

Liên quan đến thay đổi môi trường trong vùng đồng bằng, hai kiểu nhà ở khác nhau của hai nhóm văn hóa sống trong các xã lân cận được phân tích về khả năng thích ứng với thời tiết và lũ lụt. Kết quả cho thấy cộng đồng người dân gốc miền Bắc định cư ở đồng bằng sông Cửu Long vào năm 1954 xây dựng nhà rất chắc chắn, bền vững lâu dài-dựa trên kinh nghiệm đối phó của họ với thời tiết và lũ lụt ở miền Bắc. Trái lại, những người dân sống lâu năm tại xã lân cận trong nhiều thập kỷ xây dựng nhà bằng các vật liệu vô cùng nhẹ do đặc điểm khí hậu ôn hòa ở vùng đồng bằng. Cả hai kiểu nhà ở đều phù hợp với chế độ lũ hiện tại. Tuy nhiên, để đối phó với mức độ và tần suất ngày càng tăng của các cơn bão và lốc xoáy tại vùng đồng bằng, mô hình nhà của người dân miền Bắc được chuẩn bị tốt hơn nhằm đối phó với các sự kiện thay đổi thời tiết. Trong bối cảnh có sự thay đổi thời tiết và mô hình lũ lụt, luận án còn hướng tới việc kết hợp phương pháp dự báo thời tiết hiện đại với thực hành dự báo thời tiết truyền thống của người nông dân như là một chiến lược hiệu quả đối với việc ra quyết định trong hoạt động nông nghiệp. Phương pháp dự báo thời tiết truyền thống trở nên lạc hậu khi việc dự báo không tương ứng với hiện tượng thời tiết trong thực tế. Người dân nông thôn xem phương pháp dự báo lũ truyền thống của họ là lỗi thời và tin tưởng vào khoa học khí tượng hiện đại cho các dự báo dài hạn. Dự báo thời tiết hàng ngày bắt nguồn từ kỹ năng của người nông dân, "đọc" thời tiết bằng cách nhìn lên bầu trời và những đám mây vẫn được áp dụng rộng rãi.

Bên cạnh việc người dân phải đối phó với những thay đổi thời tiết và lũ lụt, tri thức truyền thống về đánh bắt thủy sản tại vùng đồng bằng ngập nước được thảo luận như là một nguồn tài nguyên chiến lược của người dân không có đất để đối phó với sự khan hiếm nguồn cá tự nhiên ngày càng gia tăng (chương 5). Hơn nữa, dữ liệu thực nghiệm đã chứng minh nền tảng thực tiễn và phương pháp của tri thức địa phương. Ví dụ, dựa trên sự quan sát chặt chẽ và thực nghiệm tự nhiên, người nông dân có thể biết được chính xác lượng phân bón cần thiết cho vụ mùa tiếp theo dựa vào lớp phù sa trong ruộng do lũ mang tới. Hệ thống đê ngăn chặn sự tích tụ lớp phù sa tự nhiên và loại bỏ chất độc. Lượng phù sa trong ruộng càng nhiều, thì lượng thuốc trừ sâu và phân bón mà người nông dân phải sử dụng càng ít. Một ví dụ khác là việc mô tả các chỉ số không khí dùng cho dự báo thời tiết bằng cách tham chiếu môi trường

xung quanh hàng ngày tại địa phương đặc trưng cho sinh kế ở vùng nông thôn: rất phổ thông nhưng sự phân biệt sắc thái giữa màu sắc của mỡ gà và mỡ chó để mô tả sự xuất hiện các đám mây, đã phản ánh bản chất gắn liền với bối cảnh của tri thức cũng như sự tinh chỉnh của phương pháp “quan sát địa phương” trong dự báo thời tiết truyền thống. Thế giới địa phương là điểm tham chiếu để mô tả thế giới tự nhiên mà con người sinh sống; thế giới cuộc sống của con người là ‘tiêu chuẩn’ chung mà ở đó sự giao tiếp, tương tác và thể hiện chia sẻ có thể diễn ra một cách có ý nghĩa trong cộng đồng nông nghiệp (chương 4).



Ảnh: Chỉ số thời tiết – những đám mây và bầu trời, J.E. 2008

Tri thức địa phương trong bối cảnh thay đổi ruộng đất

Trong luận án này có một điểm được đề cập tới đó là sự chuyển đổi các vùng đất ngập nước thành các khu vực đô thị và bán công nghiệp dẫn tới sự thay đổi văn hóa đáng kể trong mối quan hệ giữa con người và nước. Luận án này bàn luận về việc thu hẹp (phi thực dân hóa) hệ thống đường thủy, tạo điều kiện phát triển mạnh mẽ cơ sở hạ tầng đường bộ.



Ảnh: Tàu là những phương tiện vận chuyển đặc trưng, J.E. 2008

Quá trình chuyển đổi này dần dần phá bỏ các tuyến đường thủy có giá trị kinh tế, xã hội và văn hóa. Thực tế cho thấy như vậy chứ không phải là cách tiếp cận vũ trụ của người dân nông thôn tăng cường phát triển về nguồn nước. Ngoài ra, luận án sẽ phân tích các dự án về đất được sử dụng cho hiện đại hóa nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và phát triển công nghiệp, gây nên những hạn chế về sự tiếp cận tự do với nguồn nước đối với một số nhóm người. Người không có đất và ngư dân sẽ bị mất đi nguồn sinh kế chính bởi sự thu hẹp đồng bằng ngập lũ và sông ngòi. Thay vì cuộc sống phụ thuộc vào tri thức môi trường trước đây, những nhóm người này có thể trở thành những cư dân thành phố hoặc phải làm quen với việc trở thành lực lượng lao động trong các tổ chức xã hội như các công ty chế biến cá. Những sự thay đổi như vậy-những tranh luận xảy ra- đòi hỏi khả năng thích ứng cao từ những người dân từng sống bằng nghề đánh bắt cá, sản xuất nông nghiệp quy mô nhỏ và tri thức của họ gắn chặt với sinh kế nông thôn như vậy.



Ảnh: Sinh kế theo mùa – Đánh bắt cá trên cánh đồng ngập lũ, J.E. 2008

Có một khuynh hướng mạnh mẽ đối với việc công nhận tri thức dưới hình thức giáo dục ở trường học, các nguyên tắc khoa học và kỹ thuật, đào tạo nghề và công nghệ được yêu cầu đối với lao động công nghiệp, thâm canh nông nghiệp và thủy sản. Tại cùng một thời điểm, người ta có thể quan sát thấy sự giảm các nguồn tin không chính thức tại địa phương về nghề nghiệp, được bắt nguồn từ việc học hỏi không chính thức. Lĩnh vực sản xuất với công nghệ hiện đại ở Việt Nam gặp nhiều khó khăn trong việc thu hút lực lượng lao động từ khu vực sản xuất nông nghiệp truyền thống. Điều này có thể được minh họa bằng các ví dụ sau đây của ngành công nghiệp chế biến cá nằm dọc theo sông Hậu trong khu vực nghiên cứu của luận án: Một mặt, người sử dụng lao động phàn nàn rằng lực lượng lao động tụt hậu so với yêu cầu của doanh nghiệp. Họ đổ lỗi cho cơ sở đào tạo nghề đã bỏ qua nhu cầu thực tế của ngành công nghiệp. Mặt khác, doanh nghiệp không công nhận các phương pháp học tập và nghề nghiệp không chính thức ở đồng bằng sông Cửu Long. Ngư dân chuyên nghiệp dọc theo sông Hậu có kỹ năng cao trong đánh bắt, tiếp thị và chế biến cá, nhưng họ không được công nhận một cách chính thức là có đủ trình độ để làm việc trong các công ty chế biến cá. Những ngư dân không được đào tạo bài bản, hay những người chưa có chứng nhận đào tạo chính thức được coi là không có khả năng mổ bụng cá, một công việc mà thường ngày họ vẫn làm (chương 6).

Kết luận

Người ta có thể khẳng định có một sự chuyển dịch về mặt xã hội từ sự bình ổn giá trị của tri thức sinh kế dạng phi thị trường theo hướng tri thức có giá trị thị trường trong ngành nông nghiệp và thủy sản quy mô nhỏ, đang trở thành vấn đề có liên quan tới an ninh sinh kế. Lập luận này được hỗ trợ bởi Taylor, người khẳng định rằng:

“Khi nền kinh tế nông nghiệp của vùng đồng bằng chuyển dịch theo chiều hướng tăng đề cao nguồn vốn bên ngoài địa phương, thì các quan hệ xã hội và tri thức, sự tham gia của người dân địa phương lại được ghi nhận mạnh mẽ”. (Taylor 2004: 250)².

Việc chuyển đổi nước và cảnh quan thành khu vực hiện đại, bán công nghiệp liên quan đến việc từ bỏ khái niệm coi nước là trung tâm của sự sống. Nước và thiên nhiên, yếu tố cấu trúc của thế giới sống đang dần trở nên ít quan trọng hơn bởi vì nước như một đặc trưng hàng ngày mô tả không gian vật lý và văn hóa xã hội đang chịu sự ảnh hưởng của sự phát triển hiện tại. Tuy nhiên, trái ngược với các học giả có lập luận ủng hộ tri thức bản địa và chống lại các tác động tiêu cực của quá trình hiện đại hóa và mô hình khoa học công nghệ ở vùng đồng bằng, tác giả của luận án này ủng hộ một cách tiếp cận ít chuẩn mực hơn nhưng thực tế hơn đối với tri thức địa phương – và cũng thể hiện sự lưu tâm tới thực tế là sự xung đột vì các loại tri thức hiện đại như vậy xét trên quy mô lớn có nguồn gốc từ các cơ quan của người dân địa phương. Do đó, không nên xem những tri thức khác nhau như là tình trạng căng thẳng duy nhất mà đó chính là tiềm năng sáng tạo góp phần đem lại kết quả mà con người hướng tới cho công việc hàng ngày và các giải pháp giải quyết các vấn đề ở địa phương. Để mở rộng không gian hoạt động cho người dân, tri thức có giá trị kinh tế như vậy cần được tiếp cận cởi mở và bền vững, ví dụ cung cấp tốt hơn các thông tin liên quan tới thị trường và đào tạo nghề, dịch vụ mở rộng hiện có, chương trình giảng dạy của các trường đại học và phổ thông phù hợp với nhu cầu của người lao động. Nếu không, những người bị thiệt thòi lại càng bị thua thiệt hơn trong quá trình chuyển đổi ruộng đất ở vùng đồng bằng.

Tuy nhiên, sự liên quan của tri thức địa phương trong việc giải quyết các vấn đề địa phương nhiều khi không phải là sự thiếu thông tin và tiếp cận với tri thức. Vấn đề khó khăn đối với người nông dân trong việc đối phó với các thách thức về kinh tế-xã hội và sinh thái bắt nguồn

² Taylor, Philip (2004) 'Redressing Disadvantage or Re-arranging Inequality? Development Interventions and Local Responses in the Mekong Delta.' In Philip Taylor, ed., *Social Inequality in Vietnam and the Challenges to Reform*. Singapore: Institute of Southeast Asian Studies, pp. 236–269.

từ cách thức quản lý lũ trong vùng đồng bằng, có nhiều câu hỏi về lợi ích cá nhân đến với người ta như thế nào và được chia sẻ ra sao và nhận thức “sống chung với lũ”. Do tri thức luôn liên quan tới quyền lực, bản thân tri thức địa phương là có giá trị nhưng vấn đề là làm thế nào để tri thức của người dân địa phương được công chúng chấp nhận. Tuy nhiên, trong bối cảnh văn hóa chính trị của Việt Nam, ảnh hưởng của viễn cảnh phát triển thay thế vẫn còn hạn chế. Quy hoạch tài nguyên nước quan liêu theo hướng từ trên xuống, không nhận thấy vai trò của người dân địa phương và tri thức „không chuyên môn“ của họ. Những người bị ảnh hưởng nhất bởi quy hoạch tài nguyên nước ở vùng đồng bằng lại không được tham gia vào quá trình ra quyết định. Cho đến nay, Nghị định dân chủ cơ sở (1998) và sự hài hoà của khoa học và công nghệ hiện đại với “kinh nghiệm truyền thống của người dân” trong quản lý tài nguyên nước – được đưa vào trong Luật tài nguyên nước (1998) - vẫn chỉ là vấn đề bỏ ngõ chứ không phải là một chương trình thực tế (chương 7).